Đề bài

Nhà văn Nga Lêônit Lêônôp có viết: "Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung". Anh, chị hãy bình luận ý kiến trên.

(Đề thi học sinh giỏi quốc gia năm 1998, bảng A)

Bài làm (1)

Ai bảo dính vào duyên bút mực
Suốt đời mang lấy số long đong.

Nguyễn Bính đã từng than thở như thế. Bao con người cũng phải gánh chịu nỗi đau vì sự bạc bẽo của văn chương. Tại sao như vậy? Phải chăng bởi nghệ thuật đòi hỏi rất cao ở người nghệ sĩ, đúng như Lêônít Lêônôp yêu cầu: "Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung".

Cũng như ý kiến của Xuân Diệu, Nguyễn Tuân, Măcxim Gorki… nhà văn Nga Lêônít Lêônôp muốn khẳng định các nhà nghệ sĩ phải trau dồi cá tính sáng tạo của mình. Mỗi tác phẩm phải là một sự hiện diện của nhà văn đối với cuộc đời. Do vậy, cái mới, cái độc đáo trong phong cách của người sáng tác phải thể hiện ở sự tìm tòi cái mới về nghệ thuật cũng như nội dung. Nghệ thuật là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Hiện thực cuộc sống là kho đề tài vô tận để người nghệ sĩ khám phá, phát hiện, nhưng đối với mỗi cây bút, nó lại được chiếu rọi dưới một ánh sáng riêng. Nghệ sĩ là người biết khai thác những ấn tượng riêng chủ quan của mình và biết làm cho ấn tượng ấy có được hình thức riêng biệt, độc đáo. Đúng như vậy, sự lặp lại tẻ nhạt là cái chết của nghệ thuật.

Cuộc sống bày ra trước mắt mỗi người biết bao cảnh ngộ, số phận. Người nghệ sĩ hơn những người bình thường ở chỗ biết tìm ra những hiện tượng đặc sắc có thể nói lên rõ rệt bản chất của hiện thực. Độc giả tìm đến với tác phẩm trước hết là để bồi đắp tâm hồn, làm phong phú hơn vốn tri thức. Vì lẽ đó, người sáng tác phải đem đến cho họ một cách nhìn mới, mang đậm dấu ấn chủ quan.

Cuộc sống là phong phú vô tận, nhưng sự hiểu biết và hứng thú của nhà văn thì có hạn. Do đó, ngoài việc tìm đến những mảnh đất mới của hiện thực để gieo mầm tư tưởng, người nghệ sĩ phải biết phát huy cái vốn ấn tượng riêng của mình để tìm ra những gì mới mẻ trong những đề tài quen thuộc. Có như vậy, nhà văn mới tránh khỏi sự lặp lại vô nghĩa những điều mà người khác đã nói. Nói cách khác, mỗi nghệ sĩ phải tìm ra cho mình một con đường riêng để đến với cuộc sống và trái tim bạn đọc. Lep Tônxtôi đã từng nói với những người viết văn trẻ, đại ý: Nào, anh có đem đến cho chúng tôi một cái gì mới khác với những người đến trước anh không? Bàn về thơ, Nguyễn Tuân cũng khẳng định: "Thơ là mở ra được một cái gì mà trước câu thơ đó, trước nhà thơ đó, vẫn như là bị phong kín".

Mỗi tác phẩm là một thông điệp thẩm mĩ mà người nghệ sĩ gửi đến bạn đọc. Do đó, mỗi tác phẩm trước hết phải là một "khám phá về nội dung". Muốn vậy, nhà văn không thể chỉ là "người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho", mà phải "biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có" (Nam Cao). Nhà văn phải

biết nhìn sâu vào cuộc sống, hiểu tâm hồn của con người để khám phá ra những vấn đề mới, cất tiếng nói riêng của mình với cuộc đời. Trong nghệ thuật, nội dung và hình thức gắn bó chặt chẽ, mật thiết với nhau. Nội dung là nội dung của hình thức và hình thức là hình thức của nội dung. Một nội dung mới sẽ tự tìm cho mình một hình thức mới. Sự thay đổi về hình thức biểu hiện cũng có thể kéo theo những biến đổi về nội dung. Có khi nhà văn đề cập đến những vấn đề của muôn đời, nhưng lại nói bằng giọng điệu riêng, âm sức riêng của tâm hồn mình; do vậy, tác phẩm vẫn đem đến cho người đọc cái mới đáng quý.

Cái độc đáo, sự sáng tạo về nội dung và hình thức của tác phẩm tạo nên phong cách riêng của người nghệ sĩ. Phong cách không phải là chuyện cách nói mà chủ yếu là vấn đề cách nhìn, một cách nhìn nếu không do nghệ sĩ đem lại thì không bao giờ có được. Cái mới không chỉ đơn thuần thuộc về nội dung hay nghệ thuật một cách cực đoan, có nghĩa là không chỉ thuần túy đi tìm cái mới trong hình thức mà trước hết phải xuất phát từ cái mới của nội dung. Khi cả tác phẩm toát lên cốt cách riêng, phong vận riêng mới lạ thì nó sẽ tác động mạnh mẽ vào người tiếp nhận. Người nghệ sĩ phải đi sâu vào cái chủ quan, cái cá nhân của mình, mặt khác lại vẫn phải gắn bó với cuộc sống để không đẩy sự mới lạ lên thành cá nhân chủ nghĩa.

Mỗi thời đại, mỗi tác giả góp vào dòng chảy văn học một cách cảm nhận mới, một niềm trăn trở khác nhau và một cách nói mới. Điều đó sẽ tạo ra tính liên tục, phát triển, sự phong phú của nền văn học. Mỗi giai đoạn văn học, mỗi nghệ sĩ có một bản sắc riêng, một diện mạo riêng. Chính những phát minh về hình thức đã góp phần làm cho văn học nhân loại vận động từ kiểu sáng tác này đến kiểu sáng tác khác.

Trong văn mạch dân tộc, nhìn trên diện rộng cũng có thể thấy mỗi thời đại để lại một khí chất, mang một cảm hứng chủ đạo. Văn học Lí, Trần, Lê lấy cảm hứng chủ đạo là lòng yêu nước, tự hào dân tộc. Sang giai đoạn cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX, các nhà nghệ sĩ lại bị ám ảnh hơn cả bởi vấn đề số phận con người. Họ không đi vào ngợi ca cảnh thái bình thịnh trị như văn học thời Lê mà xoáy sâu vào bi kịch của những thân phận con người. Mỗi tác phẩm lớn của thời kì này là một tiếng yêu thương mỗi cá nhân. Sang giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, cảm hứng nổi lên trong văn học chân chính lại là tình yêu nước mãnh liệt, khát vọng độc lập dân tộc. Vào những năm đầu của thế kỉ XX, các thi sĩ phong trào Thơ mới nói lên khát vọng cởi trói cho cái "tôi" cá nhân của mình… Mỗi thời đại có một nét riêng và cái riêng ấy dội vào tác phẩm với những âm hưởng khác nhau. Thú vị thật, độc đáo nhất đối với người đọc là sự lắng nghe những giọng điệu riêng của mỗi tâm hồn nghệ sĩ. Lĩnh vực thử thách lớn nhất đối với tài năng người cầm bút là trong một đề tài quen thuộc, anh ta có thể nói lên được điều gì mới lạ hay không. Bản sắc riêng, khí chất riêng của mỗi tâm hồn làm cho mỗi tác phẩm có một diện mạo riêng.

Cùng viết về người kĩ nữ, nhưng Bạch Cư Dị, Nguyễn Du, Xuân Diệu, Tố Hữu, mỗi người có một cách nhìn riêng, một cách nói riêng. Bằng khúc *Tì bà hành,* thi sĩ họ Bạch cất lên tiếng nói xót thương đầy cảm thông cho người phụ nữ tài sắc và cũng thể hiện nỗi đau trong chính số phận long đong, lận đận của mình. Tiếng hát của người kĩ nữ cất lên giữa đêm trăng cô vắng làm thức dậy bao nỗi niềm của chàng Tư mã áo xanh. Nỗi xót thương ấy, nỗi đau khổ ấy vẫn gặp trong văn học cổ điển. Thấm thía mà nhẹ nhàng, nỗi sầu muốn lan ra cùng cảnh vật:

Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách
Quạnh hơi thu, lau lách đìu hiu.

Không hiểu sao hai chữ canh khuya với mỗi tâm hồn Việt Nam lại có sức gợi đến thế? Không chỉ gợi cái khuya của thời gian mà còn như chứa sẵn trong đó cảm giác bất trắc, muộn màng, e sợ. Nỗi buồn lan ra theo những dải tơ trời, khiến không gian như lặng ngắt để lắng vào cõi tâm tư, thấm vào lòng người và tràn ra thành dòng lệ. Nỗi đau ở đây là sự cộng hưởng của hai nguồn yêu thương: thương người và thương thân, tạo mối tình tri âm và tri kỉ, nói đúng hơn là tạo nên sự xót thương, đồng cảm giữa những nạn nhân đau khổ cùng một lứa bên trời lận đận. Mang tấm lòng đầy yêu thương đến với cái đẹp, Nguyễn Du lại nhìn thấy trong thân phận bất hạnh của người ca nữ đất Long Thành cả lẽ hưng phế của thời cuộc bể dâu, của một đời người đã trải qua bao cơn sóng gió, bao phen giang sơn thay chủ đổi ngôi. Cảm quan dâu bể thấm sâu trong từng câu chữ, tạo thành nỗi thương người, thương đời da diết của nhà thơ.

Tất cả những cảm thương, đau đớn ấy thể hiện những nét tâm tình của con người trung đại, yêu thương mà bất lực, bất lực nhưng vẫn lặng lẽ nếm chịu nỗi đau. Sang đến thơ mới, cái "tôi" cá nhân thức dậy với sự tự ý thức về bản ngã rất mãnh liệt. Ở một hồn thơ cuồng nhiệt như Xuân Diệu, hình ảnh người kĩ nữ không đau xót một cách ngậm ngùi, nàng như run lên vì đau khổ và giá lạnh:

Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo
Trời đầy trăng lạnh lẽo buốt xương da.

Nàng như một linh hồn cô đơn bị vây phủ bởi bốn bề lạnh lẽo. Cái lạnh xuyên thấm vào tâm can. Trăng không "trong vắt" một cách tĩnh lặng, xa xôi mà từ cái sáng của vầng trăng còn tỏa ra hơi lạnh và sự cô đơn.

Nếu như Bạch Cư Dị, Nguyễn Du, Xuân Diệu yêu thương mà vẫn bất lực, vẫn chỉ biết đau đời cất lên tiếng kêu tuyệt vọng với con tạo hay đánh ghen với khách má hồng, thì Tố Hữu lại đem đến cho chúng ta một niềm lạc quan, tin tưởng. Từ trong hiện tại còn bao nhục nhã, xót xa, thi sĩ đã hướng tới ngày mai, một ngày mai tươi sáng. Nhà thơ khẳng định cuộc đời đau khổ của người kĩ nữ kia sẽ đổi thay:

Ngày mai bao lớp đời dơ

Sẽ tan như đám mây mờ hôm nay.

Như vậy, cùng viết về người kĩ nữ, các nhà nghệ sĩ đã gặp nhau ở sự đồng cảm, xót thương. Nhưng mỗi tác phẩm lại có một linh hồn riêng, tạo nên sức sống riêng. Nếu Bạch Cư Dị, Nguyễn Du viết bằng thể thơ Đường luận thì Xuân Diệu lại sử dụng thể thơ tự do, thoát khỏi sự gò bó về niêm luật.

Thiên nhiên cũng là một đề tài muôn thuở của văn chương nhưng không bao giờ cũ bởi mỗi thời đại, mỗi nghệ sĩ lại nhìn thiên nhiên ấy với một cảm quan riêng. Trong thơ cổ, thiên nhiên mang kích thước vũ trụ và thường được miêu tả như là bức tranh tĩnh lặng. Cảnh vật thiên nhiên được khắc họa bằng đôi nét chấm phá cốt ghi lấy cái linh hồn của tạo vật. Cũng là gió ấy, trời nước ấy nhưng thiên nhiên hiện lên trong mỗi tác phẩm một khác. Ta hãy cùng thưởng thức bức tranh thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi:

Nước biếc, non xanh thuyền gối bãi

Đêm thanh, nguyệt bạc khách lên lầu.

Cảnh vật hiện lên như bức tranh sơn thủy hữu tình. Màu xanh của nước hòa cùng màu xanh của non tạo nên một vẻ đẹp thanh nhã. Con *thuyền gối bãi* thật nhàn nhã, lặng lẽ. Cảnh tĩnh như không có chút xao động nào. Cả một bầu không khí thanh sạch, thơ mộng được mở ra. Nói cảnh đêm mà sao ta vẫn thấy lung linh ánh sáng. Bến nước hay là bến thơ? Dường như không có chút bụi trần nào làm vẩn đục khung cảnh ấy. Hình ảnh con người – chủ thể trữ tình không đối diện với người đọc bằng một cái tôi cá thể một là nói về ai đó, có thể là một khách văn chương. Tư thế con người là đang vận động, đi lên cao, nhưng sao vẫn tĩnh lặng như không. Thi nhân thả hồn mình vào thiên nhiên, đắm say thiên nhiên, nhưng vẫn lặng lẽ, vẫn ung dung như đứng ngoài dòng chảy của thời gian. Ức Trai giao hòa với cảnh vật, nhưng không hề làm cho nó động lên mà tất cả như ngưng đọng lại.

Đến thời Nguyễn Khuyến, thiên nhiên vẫn mang nét đơn sơ, tĩnh lặng ấy:

Trời thu xanh ngắt mấy từng cao

Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.

Từ xanh ngắt không chỉ gợi độ xanh mà còn gợi chiều cao, chiều sâu thăm thẳm. Không gian thanh sạch như được đẩy ra tới vô cùng. Cảnh có chuyển động, nhưng thật khẽ khàng. Cái lơ phơ vừa gợi sự thưa thớt của lá trúc trên cần trúc vừa gợi sự lay động nhẹ nhàng. Dường như cái lơ phơ ấy chỉ để nhận ra làn gió hắt hiu.

Cũng là mùa thu ấy, làn gió ấy khi vào thơ Xuân Diệu chúng trở nên khác hẳn:

Những luồng run rẩy rung rinh lá

... Đã nghe rét mướt luồn trong gió.

Làn gió của Xuân Diệu không hắt hiu thổi mà run rẩy vì thu đến. Rét mướt như một sinh thể ẩn vào trong gió. Cũng là cảnh cây cối, nhưng trong cảm quan của Xuân Diệu, lá cây như cũng run lên vì lạnh.

Từ vầng trăng trong thơ Nguyễn Khuyến đến vầng trăng trong thơ Xuân Diệu cũng khác biệt biết bao. Với Nguyễn Khuyến, vầng trăng hiền hòa như người bạn muôn đời của thi nhân:

Nước biển trông như tầng khói phủ
Song thưa để mặc bóng trăng vào.

Vầng trăng cứ thế giãi lên thềm, cứ thế lọt qua song cửa, nơi giao lưu của tinh thần. Trăng với người đồng cảm, đồng điệu, nhưng tình cảm ấy cũng có cái gì đó lặng lẽ. Vầng trăng vẫn còn mang vẻ tự nhiên của tạo vật không lời.

Đến Xuân Diệu, trăng như có linh hồn, có tâm tư, trăng cũng thấm thía nỗi cô đơn. Thỉnh thoảng nàng trăng tự ngẩn ngơ. Có thể nói, lòng yêu thiên nhiên ở Xuân Diệu mang cái đắm say của một hồn thơ khao khát sống, khao khát yêu đương mãnh liệt. Đọc *Vội vàng,* ta cũng thấy đây là "một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung". Không hiểu sao đến với bài thơ này nói riêng, thơ Xuân Diệu nói chung, tôi cứ nghĩ đến tiếng hát của chàng Daniyar trong truyện Giamilya của Aimatôp. Chàng trai ấy đã cất tiếng hát từ tình yêu mê đắm của mình, không phải chỉ mê đắm một con người con người cụ thể mà là tình yêu đối với cả cuộc sống, cả đất trời này. Thực sự "Xuân Diệu là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới" (Hoài Thanh). Khi ông nói đến thiên nhiên cũng là nói đến niềm say đắm sự sống. Trái tim bồi hồi, rạo rực, băn khoăn ấy đã tự tìm cho mình bộ "y phục tối tân", trút cái "áo cổ điển" đầy gò bó, tìm đến thể thơ tự do với những câu dài ngắn khác nhau. Thơ Xuân Diệu bài nào cũng có sự hăm hở, đắm say. Thi sĩ cuống quýt, hối hả để tận hưởng vẻ đẹp của thiên nhiên, chứ không chỉ lặng lẽ ngắm nhìn như các nhà thơ cổ.

Mỗi nghệ sĩ, khi đi sâu vào cuộc sống, đều nỗ lực tìm ra một cách khám phá mới lạ. Cùng viết về nông dân, Nam Cao khác Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan… Chính những khám phá ấy đã tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn học. Để tạo ra cái mới, người nghệ sĩ cần có tài năng, có năng khiếu bẩm sinh để phát huy cái riêng của mình. Cũng để tạo ra sự mới lạ, nhà văn không thể xem sáng tác như một thứ nghề chơi mà cần có sự khổ luyện, có sự đào sâu, tìm tòi.

Một nhà văn nước ngoài có nói, đại ý: Trong văn chương có những niềm hạnh phúc trong nỗi đau khổ tột cùng mà chỉ người nghệ sĩ mới hiểu được. Sáng tạo ra cái mới chính là kết quả của sự công phu và tài năng, nó tạo sức mạnh cho người nghệ sĩ chiến thắng quy luật băng hoại của thời gian.

Lê Thị Hồng Hạnh
Trường THPT chuyên Hùng Vương – Phú Thọ (Bài đoạt giải nhất)

Bài làm (2)

Pauxtôpxki đã từng nói, đại ý: Nhà văn là người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp. Vâng, đã và mãi là như thế. Nhà văn là những sứ giả của cái đẹp. Bước vào thế giới văn chương nghệ thuật, tâm hồn người đọc như thanh cao hơn, trong sáng và phong phú hơn bởi những cảm nhận tinh tế và sâu lắng về tình đời, tình người. Tất cả được thể hiện qua ngôn ngữ, qua những hình tượng nghệ thuật sinh động, đặc sắc. Ta cứ đi mãi, đi mãi, lòng không thôi hứng thú, ngỡ ngàng bởi mỗi nhà văn dẫn ta theo một nẻo riêng, với những hương sắc riêng… Sứ mệnh cao cả cũng đồng thời là trách nhiệm của những người cầm bút phải làm sao để: "Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung".

Câu nói trên đây của nhà văn Nga Lêônit Lêônôp là một quan điểm nghệ thuật, là một yêu cầu lớn đối với mỗi nhà văn – yêu cầu về sáng tạo trong nội dung và sáng tạo trong hình thức. Nghệ thuật, bản thân hai chữ ấy đã bao hàm cái đẹp, bao hàm sự sáng tạo. Bởi thẩm mĩ là thuộc tính của nghệ thuật và sáng tạo là phẩm chất cao nhất của người làm nghệ thuật. "Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung". Câu nói ngắn gọn nhưng hàm chứa sự đúc kết lớn lao từ thực tiễn sáng tác của nhiều cây bút và của chính bản thân người phát biểu. Đấy là chân lí của sáng tạo nghệ thuật. "Phát minh về hình thức" và "khám phá về nội dung", đó là hai yêu cầu sóng đôi, gắn bó với nhau như hình với bóng. Hình thức chẳng phải là cái gì khác mà chỉ là sự thể hiện của nội dung, đem tất cả cái bên trong tạo thành hình thức bên ngoài. Một nội dung nhân văn phải được thể hiện bằng một hình thức nhân văn; cũng như có "khám phá về nội dung" mới có được "phát minh về hình thức". Và nhà văn chỉ có thể có được phong cách, diện mạo riêng khi có được cách nhìn riêng độc đáo và biết cách lạ hóa cái nhìn của mình bằng một hệ thống các phương tiện biểu hiện riêng. Tất nhiên, nét độc đáo đó phải mang vẻ đẹp thẩm mĩ, phải hướng tới cái đẹp. Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, nó khác với các lĩnh vực khác. Nếu nhiều sản phẩm vật chất có thể sản xuất hàng loạt, theo những công thức, sơ đồ có sẵn, thì sản phẩm của nghệ thuật, của văn chương chỉ có thể là đơn nhất, là cá thể, không lặp lại người khác và không lặp lại chính mình. Nhà văn không thể "làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho" như một người thợ thủ công, mà "phải biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có" (Nam Cao). Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Tuân từng tâm sự, khi ngồi trước trang giấy để sáng tác như đứng trước pháp trường trắng. Nhà văn phải tìm lấy hướng đi riêng của mình. Nói như thế để thấy được yêu cầu nghiêm khắc của nghệ thuật đối với mỗi nghệ sĩ. Nghệ thuật chỉ "kết duyên" với những người biết tạo nên và nuôi lớn những nét riêng độc đáo của chính mình. Tất nhiên, như vậy nhà văn đó phải có tài năng và tâm huyết.

"Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức" có nghĩa là mỗi nghệ sĩ phải tìm ra cho mình một bút pháp, một hướng thể hiện mới mẻ trong nghệ thuật. Nếu bắt chước người khác, nhà văn chẳng khác nào người đeo mặt nạ. Và dĩ nhiên, mặt nạ đó chỉ có thể đánh lừa được người khác trong giây phút, chẳng hề có giá trị gì. Điểm gặp của các nhà văn lớn là lòng nhân ái, là những tác phẩm có giá trị gì, hướng con người tới điều cao cả, tốt đẹp bằng những thể hiện riêng trong hình thức biểu hiện, từ cấu tứ đến ngôn ngữ, giọng điệu, cách xây dựng nhân vật. Điều hấp dẫn đến kì diệu là có thể cùng viết về một đề tài, nhưng tác giả không thể lặp lại chính mình. Vì thế nó tạo nên một phong cách đa dạng mà nhất quán. Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trước sau chỉ có một đề tài chống đế quốc, chống thực dân, chống phong kiến, hướng tới tự do, độc lập và chủ nghĩa xã hội, nhưng chất thép ở mỗi tác phẩm lại có những biểu hiện khác nhau, khi là vần thơ Đường đậm cốt cách Á Đông, khi là những truyện kí với bút pháp sắc sảo rất Pháp. Cùng mục đích đả kích Khải Định nhân chuyện hắn sang Pháp dự đấu xảo thuộc địa với dụng tâm xấu xa, đê tiện, nhưng ngòi bút của Người biến hóa linh hoạt, tài tình: Khi dùng văn chính luận, khi là những bài báo vạch mặt kẻ thù, khi là kịch *(Con rồng tre);* khi để Khải Định xuất hiện trực tiếp trong lời mắng của bà Trưng Trắc, khi lại vẽ chân dung hắn qua một tình huống nhầm lẫn *(Vi hành).* Muốn tranh thủ sự ủng hộ của công chúng Pháp, Người đã tìm được nhiều cách thể hiện tài tình. Những truyện kí gọn, ngắn mà linh hoạt, biến hóa không chỉ mang tính chất thời sự, không chỉ có ý nghĩa trên mỗi trang báo Pháp từ những năm 1922, mà còn có ý nghĩa với ngày nay. Đó là dấu ấn của một nghị lực phi thường, nghị lực của một chiến sĩ cách mạng kiên cường.

Nguyễn Tuân có lần đã từng nói đại ý: Khi viết văn, nhà văn phải làm việc bằng ngũ giác quan bưng đến cho người đọc những món ăn ngon nhất. Làm được điều đó không phải là dễ dàng. Nhà văn phải không ngừng khổ luyện để tạo nên những "món ăn" độc đáo. Ở đó không phải là câu chữ nữa mà là sự sống ngát hương. Chẳng hạn sau khi cùng Nguyễn Tuân nhìn sóng, nhìn gió, nhìn thủy quái Đà giang, ta thả hồn cùng ông chiêm ngưỡng hình ảnh con sông Đà "tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong vùng trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân". Câu văn trải dài như con sông Đà tuôn dài… Đó là thơ hay là nhạc, là họa, ta cũng không biết nữa, chỉ biết lòng ta như bay lên lâng lâng trong niềm hứng thú kì diệu. Phải chăng con sông Đà duyên dáng đã tạo nên câu văn duyên dáng ấy? Niềm say mê với vẻ đẹp thơ mộng trữ tình của Đà giang đã khiến Nguyễn Tuân tạo cho mình một nghệ thuật thể hiện tài tình. Nương ngô mươn mướt xanh, cỏ xanh mơn mởn biếc, đẫm nát sương đêm. Tất cả sự sống Đà giang như bừng nở trong những dòng văn Nguyễn Tuân. Là nhà văn mà cũng là họa sĩ, nhà nhiếp ảnh. Nguyễn Tuân đã vẽ nên bức tránh sông Đà, đồng thời đóng

dấu nghệ sĩ mình vào đó. Ông xứng đáng với cái định nghĩa về người nghệ sĩ bằng những gì đã tìm tòi, sáng tạo.

Nhà văn phải luôn luôn độc đáo. Trước đây, xã hội phong kiến thù ghét cái tôi của cá nhân, cá thể của con người, khiến con người không dám thể hiện những gì thuộc về cá nhân mình, sáng tác văn chương cũng phải theo một công thức có sẵn. Mãi đến khoảng những năm 30, với sự ảnh hưởng của văn hóa phương Tây, nhu cầu giải phóng cá nhân làm bừng nở những hình thức biểu hiện mới mẻ. Những câu thơ hai chữ, thơ hình tam giác, thơ bảy, tám chữ, thơ bậc thang… rất phong phú xuất hiện trong phong trào Thơ mới. Cho đến hôm nay, nhu cầu đổi mới vẫn luôn được đặt ra với thơ ca. Có người theo phương châm "câu chữ bầu lên nhà thơ", có người theo xu hướng thơ phản thơ… Không thể phủ nhận đấy là những hướng tìm tòi bạo dạn, mới mẻ. Nhưng thiết nghĩ, nhà thơ nên đặt ra cho mình yêu cầu làm sao thơ giàu chất thẩm mĩ; thơ là thơ nhưng cũng là cuộc sống, "là tiếng nói đồng điệu đi tìm những tâm hồn đồng điệu" (Tố Hữu). Người làm thơ muốn có sự giao cảm với người đọc phải tìm những hướng thể hiện mới mẻ nhưng gần gũi, mới mẻ nhưng không quái dị. Người nghệ sĩ luôn tìm sự thể hiện độc đáo nhưng phải giản dị, không nên cầu kì. Hêminguê với nguyên lí tảng băng trôi, rồi Nam Cao, Thạch Lam… – những nhà văn lớn, có bút pháp nghệ thuật rất cao, nhưng cũng rất giản dị, giản dị đến tài tình.

Là "phát minh về hình thức" nhưng đồng thời cũng phải là sự "khám phá về nội dung". Người đọc đến với văn học không chỉ để giải trí mà trước hết để tâm hồn phong phú, giàu có. Những "khám phá về nội dung" của mỗi tác giả khác nhau đem đến cho độc giả những cảm nhận khác nhau. Những "khám phá về nội dung" ấy không phải là những gì xa lạ, phù phiếm ở một thế giới xa vời nào mà ở ngay chính trong cuộc đời trần thế. Những đề tài trong cuộc sống là có hạn, nhưng lại trở thành vô hạn trong sự tìm tòi vô hạn của người nghệ sĩ. Nhà văn phải "khơi những nguồn chưa ai khơi" – nguồn ấy là nguồn đời, nguồn tình không bao giờ vơi cạn. Để có được những "khám phá về nội dung" ấy, nhà văn phải có cách nhìn riêng mới mẻ. "Cái đẹp không phải ở đôi má hồng của người thiếu nữ mà ở đôi mắt của kẻ si tình"… Nếu các nhà thơ cùng thời chán đời trần thế, tìm đến cõi Thiên thai, hay đi về nước Chàm xa xưa, thì Xuân Diệu yêu đời, khát khao giao cảm với đời, với vẻ đẹp trần thế. Tất cả cuộc sống hiện lên thật đẹp qua ánh mắt "xanh non" của nhà thơ:

Của ong bướm này đầy tuần tháng mật
Này đây hoa của đồng nội xanh rì.

Nỗi đau của con người là bể khơi vô tận. Nếu V. Huygô khơi sâu vào nỗi đau của những người khốn khổ dưới đáy xã hội, thì L. Tônxtôi đi vào bi kịch tinh thần của người phụ nữ thuộc tầng lớp quý tộc như Anna Karênina. Nếu Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan… thể hiện sự bần cùng hóa của người nông dân, thì Nam Cao không chỉ thể hiện điều đó, ông còn khơi sâu và thể

hiện đau đớn hơn bao giờ hết bi kịch không được làm người lương thiện của những con người bị tha hóa *(Chí Phèo).* Nếu Nguyễn Trung Thành thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng qua câu chuyện bi hùng của dân làng Xô Man *(Rừng xà nu),* thì Nguyễn Minh Châu thể hiện không kém phần sâu sắc đáy sâu tâm hồn con người – nơi có "sợi chỉ xanh óng ánh" không bao giờ tắt, không bao giờ phai nhạt qua bom đạn chiến tranh. Tất cả những khám phá, tìm tòi đó đưa lại những cảm nhận mới mẻ cho tâm hồn người đọc. Có người nói trong thơ phải có hai con người: một đứa trẻ và một ông già. Đứa trẻ thơ để ngắm nhìn, lắng nghe, cảm nhận, còn ông già để viết, để thể hiện qua hình thức… Đứa trẻ thơ trong nhà thơ khiến nhà thơ nhìn sự vật bằng con mắt đầu tiên. Người đọc say mê, đắm hồn mình cùng tác giả, bỗng nhận thấy tâm hồn mình đẹp hơn, thơ hơn. Ta yêu hơn một chiều quê với mùi âm ẩm bốc lên của đất quê hương. Ta bỗng thấy lòng như dào dạt yêu thương hơn với những người xung quanh, với thế giới tạo vật. Ở đây, văn học thật sự là một người thầy, người bạn giúp ta sống đẹp hơn. Vinh quang thay sứ mệnh của người nghệ sĩ! Để có được những "khám phá về nội dung" không phải dễ dàng. Nhà văn phải sống sâu sắc với cuộc đời để cảm nhận cuộc đời. Nhà văn phải để tâm hồn mình dào dạt yêu thương, luôn nghĩ suy, trăn trở trước những câu hỏi nóng bỏng của cuộc đời. Và nhà văn chỉ có thể có được những hiểu biết đúng đắn về cuộc đời khi có lòng yêu thương con người. Trước khi làm người đọc rung động, nhà văn phải rung động; trước khi làm người đọc khóc, tác giả phải rơi nước mắt. Và thật kì diệu, qua dòng nước mắt, cuộc đời như đẹp hơn, lung linh hơn, sáng bừng lên những phẩm chất người. Nhà văn khám phá và thể hiện bằng ánh sáng tỏa ra từ đôi mắt, từ tấm lòng, từ trái tim… Chính cái tâm sáng tỏa ra một nghệ thuật sáng. Người ta thường nói đến cái phút "thần trợ" của thơ. Những câu thơ thiết tha của Hoàng Cầm:

Em ơi buồn làm chi
Anh đưa em về sông Đuống…

mà tác giả tưởng như có người đọc cho mình viết thực ra là tiếng nói bật ra từ trái tim ấp ủ lâu ngày. Có lần, Tố Hữu đã nói rất đúng: "Thơ chỉ bật ra khi trong tim ta cuộc sống đã tràn đầy". Nhà văn chỉ có thể có những sáng tạo tới độ chín nghệ thuật khi đã sống hết mình với cuộc đời, với chính mình. Một nhà văn Nga cũng đã có lần cho rằng, nhà văn phải biết khai thác những ấn tượng riêng chủ quan của mình và biết làm cho ấn tượng ấy có sự biểu hiện riêng biệt. Có lẽ đó cũng là cách nhấn mạnh đến yêu cầu trải nghiệm của người cầm bút. Tất nhiên cùng với cách nhìn, với cái tâm chân chính, nhà văn còn cần có tài năng và sự khổ luyện. Cũng là hư cấu nghệ thuật, nhưng mỗi nhà văn lại có cách hư cấu riêng, thể hiện những hình tượng nghệ thuật, nhưng mỗi nhà văn lại có cách hư cấu riêng, thể hiện những hình tượng nghệ thuật đặc sắc, bộc lộ một cách tập trung nhất tâm hồn, tình cảm của nhà văn. Nhà văn là người cho máu, máu cho tâm hồn,

máu của trí tuệ. Nguyễn Tuân viết văn với ngũ giác quan, có nhà thơ trăn trở đêm ngày có khi chỉ vì một từ, một chữ. Hiểu được điều đó ta càng trân trọng lao động nghệ thuật của nhà văn.

Tóm lại câu nói của Lêônit Lêônôp thực sự là một chân lí nghệ thuật, chân lí của sự sáng tạo. "Một tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung", đó là hai yêu cầu song hành, gắn bó chặt chẽ với nhau. Sự "phát minh", "khám phá' đó đều phải đạt đến độ chân thật, giản dị. Bởi hơn bao giờ hết, chân thật là một phẩm chất của nghệ thuật. Nhà văn phải chân thật với cuộc đời, chân thật với chính bản thân mình. Chỉ có như thế mới đưa lại sự chân thực trong thể hiện, khám phá. Đó là cái gốc tạo nên giá trị văn học.

Xuân Quỳnh từng nói đại ý: Thơ như người phụ nữ, cái để ta làm quen là vẻ đẹp trang sức. Cái để ta sống lâu dài với nó là đức hạnh. Điều đó không chỉ đúng với thơ mà đúng với văn chương nghệ thuật nói chung. "Phát minh về hình thức" đưa đến cho ta những hứng thú trước sự thể hiện mới mẻ; nhưng "khám phá về nội dung" của nghệ sĩ lại đưa đến cho ta niềm cảm phục, yêu mến nhà văn. Cái tâm bao giờ cũng là gốc để cái tài nở hoa kết trái.

Vũ Thị Thu Phong

Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong – Nam Định (Bài đoạt giải nhất)

Bài làm (3)

Không phải ngẫu nhiên mà Lep Tônxtôi, cây đại thụ của nền văn học Nga và của toàn thế giới, đã luôn nhắc nhở rằng: "Khi một nhà văn mới bước vào làng văn, điều đầu tiên tôi sẽ hỏi anh ta là anh sẽ mang lại điều gì mới cho văn học?". Câu nói giản dị ấy thực ra đã đúc kết được một lẽ sinh tử của văn chương nghệ thuật, một điều đã làm cho bao nhà văn chân chính xưa nay phải day dứt và trăn trở. Đó là vấn đề khám phá, sáng tạo cái mới trong văn học. Cũng chung một nghĩ suy trăn trở ấy, nhưng cụ thể hơn, toàn vẹn hơn, nhà văn Nga Lêônit Lêônôp đã cho rằng: "Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung".

Ý kiến của Lêônit Lêônôp đã khẳng định một điều mà từ xưa đến nay, mỗi nhà văn mỗi lần cầm bút, không ai không nghĩ tới, đó là: Những gì mà anh viết ra đây sẽ mang lại một điều gì mới không, có đóng góp cho văn học và cho độc giả những phát hiện, những khám phá mà trước đây chưa từng có hay không? Nghệ thuật vốn không chấp nhận sự sao chép và cũng không đi theo con đường mòn. Bởi vậy, thước đo rất cần thiết để đo lường giá trị của một tác phẩm văn học là ở những cái mới, những phát hiện mà nhà văn đã sáng tạo nên, cụ thể hơn, đó chính là những "phát minh về hình thức" và "khám phá về nội dung".

Mỗi loài hoa đều vươn lên hít thở khí trời, đều bắt rễ từ sâu trong lòng đất mẹ nhưng mỗi loài hoa ấy lại góp cho đất trời những hương sắc riêng, những vẻ đẹp riêng. Hoa hồng, dẫu là rất đẹp và quyến rũ, nhưng có lẽ không một ai lại muốn bông hoa nhài thanh khiết nơi đồng nội phải là hoa hồng. Và nhà văn cũng vậy. Mỗi nhà văn đích thực mang những bản sắc riêng, những phong cách riêng, không được bắt chước những người đi trước, dẫu người đó có vĩ đại đến đâu đi chăng nữa. Sự bắt chước trong văn chương nghệ thuật, tự nó sẽ bị thủ tiêu. Không ai lại muốn đọc một tác phẩm chỉ nói những điều đã quá quen và được thể hiện trong cách viết đã quá nhàm. Văn học nói riêng và nguyên tắc nói chung luôn là lĩnh vực của cái mới, của khám phá và sáng tạo. Hiểu theo nghĩa ấy, câu nói Lêônit Lêônôp thực sự mang chứa một sức nặng trong công phu của nghề văn.

Theo ông, "mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung". Tức là cái mới phải chuyên chở theo nó cả phương diện nội dung và hình thức thì mới có thể làm nên một tác phẩm đích thực. Có phát hiện về nội dung nhưng nội dung mới mẻ ấy lại được thể hiện trong cách nói cũ, trong những phương tiện biểu đạt đã quen thuộc thì cái mới không đủ sức thuyết phục. Nhưng những phát hiện, những cách nói mới về hình thức mà không bao chứa nội dung thì cái mới lạ ấy hóa trò chơi duy mĩ, vô nghĩa và không mang lại giá trị gì cho văn chương nghệ thuật. Sức nặng trong ý kiến của Lêônit Lêônôp là ở đó, cái mới, sáng tạo phải xuất phát cả từ nội dung và hình thức. Trong một tác phẩm văn học, nội dung và hình thức không tách rời nhau, vì thế, nhà văn khám phá, sáng tạo cũng phải đi từ hai phương diện ấy.

Khi nhà thơ Xuân Diệu bước vào làng thơ mới, người ta ngỡ ngàng quá, ngạc nhiên quá. Bởi vì người đến với ta trong một bộ "y phục tối tân", mang phong cách phương Tây và rất xa lạ với những cách nhìn truyền thống của người ngày ấy. Có ai không ngỡ ngàng cho được khi bắt gặp cách nói thật mới mẻ như thế này.

Hơn một loài hoa đã rụng cành

hay như:

Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa.

Cái kiểu nói *hơn một* rất Tây và kiểu ngắt dòng thơ với kiểu câu thơ nghị luận rất có duyện ấy có lẽ thật lạ tai với những ai chỉ quen nghe những âm điệu du dương, bổng trầm của thơ Đường luật. Nhưng rồi, "ngày một ngày hai, cơ hồ ta không còn để ý đến những lối dùng chữ đặt câu quá Tây của Xuân Diệu", đã quen với những lối nói mới mẻ lạ lẫm ấy và dần dần ta nhận ra rằng cái bản sắc riêng, điều làm cho Xuân Diệu còn sống mãi trong ta cũng một phần là ở những cách nói rất mới, rất riêng ấy. Và phải chăng, đó cũng chính là một phát minh rất mới mà ông đã đem lại cho làng thơ Việt Nam lúc bấy giờ? Cái thơ cổ xưa giờ đây đã quá chật

hẹp so với dòng cảm xúc, suy tưởng đang tràn ngập. Bởi vậy, những khuôn khổ câu chữ phải lung lay, những ước lệ, khuôn sáo của thơ cổ điển ngày xưa đã phải nhường lại cho một lối thơ rất mực phóng khoáng, tự do, không câu nệ vào vần điệu, vào âm luật bằng trắc. Dòng cảm xúc cứ thế mà tuôn chảy, dệt thành những dòng thơ. Thơ mới thật sự neo lại trong trái tim của mỗi chúng ta một phần có lẽ cũng nhờ vào cách nói, cách thể hiện rất mới ấy. Hiểu theo nghĩa đó, thơ mới đã đem lại cho nền văn học Việt Nam một "phát minh về hình thức".

Sự mới mẻ trong việc thể hiện nội dung là một điều rất cần thiết cho nhà văn để "đẻ" ra một tác phẩm văn học thực sự có giá trị. Sự mới lạ về mặt hình thức sẽ đem lại cho nhà văn một phương tiện quý giá để có thể biểu đạt được ý nghĩa, xúc cảm, tâm tư của mình. Nhà văn phải biết tìm tòi, phải biết khám phá, sáng tạo, phải lao động rất công phu và nhọc nhằn mới tìm được cho mình một lối nói, một kiểu viết, một phong cách thể hiện sao cho không giống ai, không bắt chước ai nhưng vẫn tìm được tiếng nói đồng điệu, tri âm từ người đọc. Mới lạ, sáng tạo nhưng không nên chạy theo những cái mục đích ấy mà quên đi tất cả. Bởi cái mới về hình thức, những sáng tạo về hình thức chỉ là những trò chơi lạ hóa, duy mĩ và vô nghĩa. Mới lạ, sáng tạo phải đi liền với cái có giá trị, có thẩm mĩ, mang tính chất nghệ thuật thì sự phát hiện ấy mới đem lại sức sống cho tác phẩm. Trong nền văn học hiện đại nước ta, có lẽ Nguyễn Tuân là nhà văn đã rất công phu trong việc tìm hiểu và sử dụng chữ nghĩa, trong các hình thức và lối biểu đạt rất mới mẻ và khác lạ. Nhà luyện đan ngôn từ Nguyễn Tuân đã có những khám phá rất độc đáo trong cách thể hiện. Chữ nghĩa, ngôn từ tiếng Việt, dưới bàn tay màu nhiệm của ông, trở nên thật sống động, có hồn và phập phồng hơi thở của sự sống, nóng rẫy, cựa quậy trên từng trang viết. Nhiều chữ, dưới ngòi bút của ông, đã trở nên có "năng suất hơn", có sinh sắc hơn. Chỉ riêng một cách nói về "ngọc trai" mà ông đã tung ra trên trang văn của mình một vốn từ vựng thật giàu có và đầy ấn tượng: nào là hạt buốt xót, hạt đau, hạt xót… Nguyễn Tuân đã đem lại cho từ vựng Việt Nam bao nhiêu cách diễn đạt, bao nhiêu lối nói mới mẻ và đầy thú vị. Nhưng cái mới ấy, vốn rất nhiều trong văn ông, vẫn được người ta say mê và chấp nhận là bởi vì nó mang chứa giá trị và sức nặng của lao động nghệ thuật công phu của nhà văn. Hình thức rất mới mẻ trong văn Nguyễn Tuân, xét đến cùng, không phải là trò chơi duy mĩ mà thực sự đã có sức biểu đạt rất đắc lực cho những điều mà nhà văn muốn gửi gắm trên những trang văn. Và dĩ nhiên, các "phát minh về hình thức" phải luôn đi kèm với những mới lạ trong việc phát hiện, "khám phá về nội dung". Những cái bơi chèo hình thức sở dĩ mới mẻ, sáng tạo cùng là để cho con thuyền nội dung được đi ra khơi xa. Hình thức và nội dung trong một tác phẩm văn học ràng buộc lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau và quy định lẫn nhau. Sự mới lạ về hình thức bao giờ cũng đi kèm với một điều kiện là nói phải gắn liền với nội dung.

Vậy cái mới trong mặt nội dung mà Lênit Lênôp muốn nhấn mạnh trong câu nói này là điều gì? Một điệu hồn cảm xúc mới? Một suy nghĩ mới? Hay những đối tượng thể hiện mới? Theo tôi, những khám phá quan trọng nhất về một nội dung là cái nhìn nghệ thuật của nhà văn về cuộc đời và về con người. Cái nhìn nghệ thuật ấy phải mới, phải có sức sáng tạo và chứa đựng những phong cách riêng, những trải nghiệm riêng của nhà văn trong hành trình khám phá cuộc sống. Nếu nói văn học là lĩnh vực của cái mới thì ý nghĩa của nó chủ yếu là ở chỗ: Nhà văn đã biết vượt thoát lên những cái chung, những mặt bằng mờ nhạt quen thuộc để nêu lên ý tưởng, tiếng nói riêng biệt của mình trong một cách nói cũng hết sức mới mẻ. Có khi cũng đứng ở cùng một góc độ, cũng quan sát cùng một đối tượng, một cảnh ngộ như nhau, nhưng mỗi nhà văn lại có một tầm nhìn khác nhau và có những chiều sâu riêng trong việc khám phá hiện thực. Khi Nam Cao viết tác phẩm *Chí Phèo,* trên văn đàn văn học hiện thực phê phán lúc ấy đã sừng sững bao nhiêu hình tượng đầy sức sống như chị Dậu, anh Pha… Nam Cao cũng như Ngô Tất Tố và Nguyễn Công Hoan đều viết về người nông dân trong xã hội cũ nhưng như thế không có nghĩa là đi theo, là bắt chước. Ngược lại, chính bản lĩnh và tài năng nghệ thuật của riêng Nam Cao đã cho phép ông, cũng trên hành trình tìm hiểu người nông dân, nhưng không hề giẫm lên vết chân của những người đi trước; những cái bóng to lớn ấy không át nổi được phong cách của riêng Nam Cao. Với bản lĩnh và cái nhìn nghệ thuật sâu đau đáu của mình. Nam Cao đã nhìn ra ở người nông dân nỗi đau không chỉ ở miếng cơm manh áo, ở những bó buộc về vật chất, mà sâu hơn, đau đớn hơn, là nỗi đau tinh thần, là nỗi cơ cực bị tàn phá về mặt nhân phẩm, bị tàn phá về nhân cách. *Chí Phèo* sở dĩ lay động thổn thức trái tim ra là ở nỗi đau nhân cách, là tiếng kêu thương riết róng và cháy bỏng của con người trên hành trình tìm về cái thiện, cái đẹp, cái thiên lương, chứ đâu chỉ bởi những khổ sở vì miếng cơm manh áo đời thường! Bản lĩnh của Nam Cao và sức sống mãnh liệt ở những tác phẩm của ông chính là ở đấy. Ông biết khai thác những chiều sâu rất sâu của hiện thực, đã sống đến đáy của cuộc sống để tìm ra những điều mới mẻ về con người và về cuộc đời mà trước đó chưa ai thấy. Biết soi chiếu cho mình một góc độ riêng trong quá trình xử lí đề tài, biết nhìn cuộc đời trong trải nghiệm riêng, trong chiều sâu riêng của tâm hồn và trí tuệ để từ đó phát hiện ra những điều mới mẻ về nội dung chính là bản lĩnh, là tâm huyết của Nam Cao và của cả nhà văn chân chính xưa nay. Và để đạt được những khám phá mới mẻ ấy, nhà văn phải sống hết mình với cuộc sống, phải trải cả tâm hồn mình ra với cuộc đời, phải biết vượt thoát những lối mòn chung chung để làm dậy lên tiếng nói của chính mình.

Văn chương cũng như nghệ thuật nói chung không phải là một thứ nghề đơn thuần, chỉ nhờ những kĩ xảo, khéo léo mà có được. Nghệ thuật không phải lĩnh vực của "sự khéo tay" bởi "văn chương không cần đến những

người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có" (Nam Cao). Một quy luật hết sức cần thiết và cũng vô cùng nghiệt ngã đối với văn chương nghệ thuật là sự đơn nhất. Mỗi tác phẩm mà nhà văn viết ra là một sản phẩm hoàn toàn riêng của nhà văn. Nó có thể giúp người đọc hình dung diện mạo của nhà văn hay không, điều đó phụ thuộc vào những phát hiện mới mẻ trong những cách thể hiện mới mẻ của nhà trong tác phẩm. Nhà văn chỉ có thể "sống" và "sống mãi" khi biết đứng vững với phong cách riêng của mình, với bản lĩnh nghệ thuật của riêng mình mà không phải làm theo hay bắt chước một ai. Câu nói của Lêônit Lêônôp đã khẳng định được một điều hết sức cần thiết đối với văn chương: Không có tiếng nói rieng, không mang lại những điều gì mới mẻ cho văn chương, mà chỉ biết giẫm theo đường mòn thì tác phẩm nghệ thuật sẽ chết. Có thể hiểu rằng *Truyện Kiều* là kiệt tác của đại thi hào Nguyễn Du, là niềm tự hào của mỗi người dân đất Việt nhưng mỗi nhà văn ở thế hệ sau không ai có thể làm nên một *Truyện Kiều* như thế nữa, bởi đó là sự làm theo, bắt chước, dù có khéo léo đến đâu chăng nữa. Đối với một nhà văn đích thực, có ý thức về nghề nghiệp cao quý của mình thì không gì đau đớn cho bằng khi nhận được "lời khen" (hay mỉa mai) rằng phong cách của anh rất giống với tác phẩm nổi tiếng của nhà văn nọ… Bởi nghệ thuật nói chung và văn chương nói riêng sẽ đào thải những gì chỉ bắt chước, làm theo. Lẽ sinh tử của văn chương là phải sáng tạo ra cái mới – đó là "phát minh về hình thức" và "khám phá về nội dung" như nhà văn Lêônit Lêônôp đã khẳng định.

Sáng tạo là một điều tối quan trọng trong văn chương nhưng cũng là cửa tử của mỗi nhà văn khi bước vào nghề cầm bút. Vượt qua được nó, tức là biết khám phá ra một điều mới mẻ mà chưa ai có, nhà văn sẽ sống cùng thời gian; không vượt được nó, tên tuổi và tác phẩm của anh sẽ bị lãng quên theo quy luật đào thải nghiệt ngã của thời gian và nghệ thuật.

Lẽ dĩ nhiên, văn học không chỉ được định đoạt ở cái mới, một tác phẩm văn học trường tồn với thời gian không chỉ ở chỗ nó đã nói lên được những điều mới mẻ mà trước đó chưa ai nói mà còn là ở chỗ nó kết tinh được những tinh hoa của tâm hồn và tài năng của nhà văn. Tiếp thu câu nói của nhà văn Lêônit Lêônôp, trên tinh thần sáng tạo, không lặp lại cái đã có mà phải phát hiện, phải khám phá, ta đã có thêm một cơ sở rất vững bền để đánh giá giá trị của một tác phẩm văn chương. Nhưng nếu chỉ dừng lại ở đó thì chưa toàn vẹn và chưa thật chính xác. Có khi, nhà văn viết về những điều tưởng như rất cũ, rất quen thuộc như tình yêu, tình bạn, tình mẫu tử, nhưng bằng tất cả tâm hồn yêu thương, bằng tất cả trái tim chan chứa xúc cảm và bằng tài năng của mình thì tác phẩm ấy vẫn lay động, vẫn làm cho người đọc phải thao thức và nhớ mãi về nó. Nghệ thuật, văn chương là lĩnh vực của cái mới nhưng không chỉ dừng lại ở đó. Tận trong sâu thẳm của nó, văn

chương là tấm lòng, là nỗi niềm tha thiết, là tình yêu, ước mơ, khát vọng mà người cầm bút gửi gắm đến bạn đọc. Nghệ thuật không chỉ là bức thông điệp của cái mới mà cao hơn, sâu hơn, nghệ thuật là bức thông điệp của tình người, của trái tim. Những gì mà Nguyễn Du muốn gửi đến chúng ta đâu phải hoàn toàn mới: niềm xót xa và nỗi đau cho cái đẹp bị vùi dập, bị chà đạp, tình yêu thương, trân trọng, nâng niu cho cái trong sáng, cái thiên lương, cái hoàn mĩ đâu chỉ là của riêng Nguyễn Du mà là của muôn đời, của tất cả những ai có lương tri và phẩm giá. Nhưng những gì mà Nguyễn Du viết ra cách đây hơn hai trăm năm vẫn còn làm ta phải nghẹn ngào và thổn thức. Như vậy thì đâu chỉ cái mới mới làm nên văn học nghệ thuật! Còn có tình đời, tình người, còn có cái tâm trong sáng, cao quý và cái tài của người cầm bút. Và lẽ dĩ nhiên, khi cái tâm đẹp đẽ hòa nhập với cái tài của mình thì tác phẩm ấy chắc sẽ làm dậy lên tiếng nói của riêng nhà văn ấy, chứ không phải là sự bắt chước hay làm theo một ai.

Và ta cũng nên hiểu rằng nghệ thuật là lĩnh vực của cái mới, của tiếng nói riêng độc đáo của nhà nghệ sĩ; nhưng cái mới ấy chỉ có thể có được trên cơ sở của cái đã có. Nghề văn không chấp nhận sự bắt chước nhưng sự sáng tạo không thể bỗng nhiên mà có. Cái hôm nay phải phôi thai từ hôm qua và ngày mai cũng bắt đầu từ hôm nay. Nói văn chương không chấp nhận sự bắt chước là đúng nhưng văn chương của mỗi nhà văn hôm nay không phải là đoạn tuyệt với những thành tựu của các nhà văn đi trước. Nghệ thuật không cần sự làm theo nhưng lại hoan nghênh sự tiếp thu và kế thừa những truyền thống tốt đẹp của những thế hệ đi trước. Tiếp thu phần hồn chứ không phải chỉ dừng lại ở phần xác. Đón lấy hương vị mà vẫn giữ nguyên hương sắc của bản thân mình là điều mà các nghệ sĩ xưa nay vẫn làm. Có thể, Xuân Diệu – nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới – vẫn quả cảm khẳng định rằng: "Thơ mới vẫn nằm trong mạch dân tộc".

Nhưng dù sao đi nữa, cái còn lại cuối cùng của một nhà văn đối với đời vẫn là tiếng nói riêng, rất riêng của nhà văn đối với cuộc đời. Những khám phá, những phát hiện độc đáo và cách thể hiện mới mẻ của nhà văn trong tác phẩm mãi mãi vẫn là một thước đo để định đoạt sức sống vững bền của tác phẩm, của nhà văn ấy. Câu nói của nhà văn Lêônit Lêônôp thoái thai từ những sự trải nghiệm của chính nhà văn nên nó dồn chứa một sức nặng và vì thế nó vẫn là niềm thao thức, trăn trở cho mọi nhà văn chân chính xưa nay để làm nên những tác phẩm đích thực còn lại với đời.

Hoàng Thị Hà

Trường THPT chuyên Phan Bội Châu – Nghệ An (Bài đoạt giải nhì)